

215.922

Đ250Y

TRỌNG VĂN

ĐỀ YÊM CHỐNG PHÁP



ĐC: 270

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN HÀ NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Có một câu chuyện tôi nghe từ hồi còn nhỏ, làm cho tôi nhớ mãi và cũng thắc mắc mãi đến bây giờ là chuyện Đề Yêm làm “giặc”.

Lúc còn để chỏm, tôi được một người chị dâu họ thường kể cho nghe câu chuyện trên, vì chị là người cùng làng Đồng Lạc với Đề Yêm.

Tôi còn được nghe mẹ tôi kể thêm rằng: “Lúc quân Đề Yêm đốt xóm Lò bên kia sông Đáy thuộc làng Đình Xá, bên làng Quyển Sơn ta liền thu xếp các thứ gọn gàng. Xóm nào xóm ấy đều có người ra bến sông để quan sát, hễ quân bên đó xuống đò bơi sang thì làng ta sẽ phải chạy vào núi ngay. Nhưng quân Đề Yêm không sang”

Khi đi học ở trường huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tôi lại được mấy người bạn quê ở Đình Xá kể chuyện về Đề Yêm. Chung quy câu chuyện nói về làng Đồng Lạc huyện tôi có thủ lĩnh Đề Yêm đánh nhau với quân Pháp, có đốt phá và giết

người. Song, đầu đuôi câu chuyện ra sao, lúc chưa làm “giặc” thì Đề Yêm làm gì? Tại sao lại đi làm giặc, quá trình hoạt động và kết thúc thế nào thì chưa ai nói rõ cho tôi biết.

Mấy năm gần đây, tôi chú ý sưu tầm, nghiên cứu về lịch sử tỉnh Hà Nam, trong đó có một số nhân vật mà tiếng tăm vẫn còn lưu truyền trong dân gian từ đời này sang đời khác. Tôi nghĩ rằng: Việt Nam ta là một dân tộc anh hùng, các nhân vật lịch sử ấy từ trong quần chúng mà ra và làm nên những chiến công, sự tích hiển hách. Nhiều vị chưa được sử sách ghi chép, nhưng họ vẫn sống trong ký ức và sự ngưỡng mộ của nhân dân địa phương. Ngược lại, một số vị còn bị thực dân Pháp xuyên tạc về chiến công cũng như nhân cách. Chúng cũng ghi chép, nhưng cắt đầu cắt đuôi, khuếch đại, tô vẽ những điểm gì có lợi cho chúng. Còn những vấn đề gì thuộc về nhân dân, về phẩm chất anh hùng của các thủ lĩnh khởi nghĩa thì chúng ghi chép qua loa, sơ lược hoặc bỏ qua không đề cập gì, thậm chí còn vu khống.

Huyện Kim Bảng có những người yêu nước như Đề Yêm ở thôn Đồng Lạc, xã Đồng Hóa; Quản Cầu ở thôn Lưu Xá, xã Nhật Tân; Lý Tài ở thôn

Thụy Xuyên, xã Ngọc Sơn; Cả Quảng tức Lãnh Quảng ở xã Khả Phong v.v...

Không kể Lãnh Tràng, tức Đình Công Tráng, thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Ba Đình ở Thanh Hóa (1886-1887) mà sử sách đã viết, còn lại các cuộc khởi nghĩa khác chống giặc Pháp ở các địa phương thì việc ghi chép hầu như không đáng kể. Nếu chúng ta không mau mau sưu tầm, nghiên cứu những cuộc nổi dậy ấy thì 10-15 năm tới, những người có thể cung cấp tài liệu, tư liệu cho ta sẽ không còn nữa. Sự nghiệp của các nhân vật đáng kính ấy sẽ mờ dần với thời gian và mất hẳn, nếu chúng ta không khẩn trương tiến hành công việc rất cần thiết trên.

Một điều nữa tôi muốn nói là đương lúc quân xâm lược Pháp thế hùng lực mạnh, vua quan nhà Nguyễn với thân phận trâu ngựa đã can tâm làm tay sai cho giặc để đè nén bóc lột nhân dân ta. Ngược lại, các sỹ phu tiến bộ, các nhà yêu nước một lòng vì nước, vì dân kiên cường, khảng khái, dám đứng lên lãnh đạo nghĩa quân chiến đấu khiến cho bọn cướp nước và lũ bán nước phải nhiều

phen khiếp sợ. Vậy thì tại sao ta lại nỡ gọi họ là “giặc” như kẻ thù gọi. Trước đây, một số người ở các vùng Ứng Hòa, Mỹ Đức (Hà Đông) thì gọi nghĩa quân là “loạn Tuyết Sơn”.

Sở dĩ thực dân Pháp và bọn phong kiến bán nước Nam triều gọi những người đối địch với chúng là “giặc”, là “loạn” là lẽ đương nhiên, bởi vì họ quyết tâm sống chết, tiêu diệt chúng.

Khi Đảng Cộng sản chưa ra đời, giai cấp công nhân chưa thực sự trở thành lực lượng tiên phong duy nhất lãnh đạo cách mạng thì những cuộc khởi nghĩa, chống đối giặc Pháp và ngay cả một số cuộc cách mạng sau này cũng không đạt được kết quả mỹ mãn, nhiều khi bị thất bại đau xót. Tuy nhiên, các nhà yêu nước, cách mạng ấy đã hết lòng xả thân vì nghĩa lớn, sự nghiệp có thành công đến chừng mực nhất định nào hay thất bại đi nữa thì hành động anh hùng và phẩm cách sáng ngời của các vị rất đáng được nêu cao, làm gương cho hậu thế.

Bởi những lẽ trên, nên tôi đã bỏ nhiều trí tuệ, công sức, thời gian để sưu tầm, tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp của mấy nhân vật nổi tiếng yêu

nước ở huyện Kim Bảng, đáng kể nhất là thủ lĩnh Đinh Quang Lý, tức Đề Yêm. Đối với Đề Yêm, tôi xin thay từ “giặc” thành hai từ “thủ lĩnh” nghĩa quân, xin thay từ “loạn” bằng hai từ “khởi nghĩa”^(*)

Hà Nam, tháng 1/1965

Tác giả

^(*) Tác giả Trần Hà trong bài “Về quê hương người về cờ Tổ Quốc” viết: “Các thế hệ học sinh trong xã còn nhớ thầy Nguyễn Hữu Tiến có lần kể chuyện ông Đề Yêm, một tướng giỏi của Nguyễn Thiện Thuật trong cuộc nổi dậy khởi nghĩa ở Bãi Sậy. Đề Yêm đã có lần hành quân qua đất Duy Tiên. Dân trong vùng đón tiếp, giúp đỡ hết lòng, có người còn cho cả con cháu đi theo nghĩa quân....” (**Báo Nhân Dân hàng tháng**), số 29 (9-1999) (BT)

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ NGUYÊN NHÂN CUỘC KHỞI NGHĨA

Đầu thế kỷ 19, nhân dân ta đói khổ dưới ách thống trị của triều đại nhà Nguyễn. Nạn lụt lội, mất mùa đói kém xảy ra thường xuyên. Không những thế, sự nhũng nhiễu, tham ô, bóc lột của bọn phong kiến suy tàn, trên từ vua dưới đến quan ra tay, chồng chất lên đầu lên cổ người dân Việt Nam bao nhiêu nỗi ê chề, không bút nào tả xiết được. Bởi vậy, các cuộc nổi dậy của nông dân chống đối triều đình nổ ra không ngớt. Vua tôi nhà Nguyễn hầu như không đủ sức giữ gìn trật tự nữa. Kho tàng của Nhà nước (của vua) cũng không còn gì⁽¹⁾ để đắp vào những lỗ hổng đó. Tự Đức cho đánh thuế thuốc phiện, định thuế hàng

⁽¹⁾ Theo Hiệp ước 5-6-1862, triều đình Huế không những ký nhượng 3 tỉnh phía Đông Nam Kỳ mà còn bồi thường chiến phí cho quân Pháp 4 triệu bạc, chia làm 10 năm. Năm 1865, triều đình Huế đã phải vét voi tất cả đồ thờ trong cung điện và các hạng bạc khối, bạc nén cũng chưa đủ. Sau Tự Đức cho người vào vét tất cả kho tàng 3 tỉnh phía Tây Nam Kỳ còn lại để bồi vào tiền còn thiếu.

năm cho người Minh Hương (tức là Hoa Kiều lai người Việt), cho bán ruộng đất công, ruộng đất bỏ hoang, lấy tiền nộp vào công phí, cho các tù nhân được nộp của chuộc tội, định lệ quyền tiền được hưởng hàm từ hoàng thân, công chúa, quan lại đến tổng lý, sỹ, dân; đồng thời còn sai quan đi tìm mỏ vàng, kẽm, đồng và đánh thuế mỏ. Tóm lại là tìm mọi cách để vơ vét của dân.

Trước tình hình chính trị rối loạn, kinh tế kiệt quệ đến cao độ, năm 1847 mượn có Thiệu Trị sát đạo, thực dân Pháp đến gây hấn ở Đà Nẵng.

Trước đó, từ thế kỷ thứ 17, thực dân Pháp đã phái bọn cố đạo, con buôn đến nước ta mượn cố giảng đạo, buôn bán mà thăm dò lực lượng, gây cơ sở bên trong để làm nội ứng. Bá - đa - lộc (Aveque d'Adrand) giúp Nguyễn Ánh (1874), Pen-lơ-ranh (Pellerin), Sác-ne (Charner) xúi giục, giúp đỡ Tạ Văn Phụng nổi loạn ở Bắc Kỳ (1861).

Kể từ lúc thực dân Pháp thực sự đánh chiếm thành Gia Định (18-2-1859) cho đến khi đánh chiếm cửa biển Thuận An, Huế (1884), triều đình nhà Nguyễn ký hết hiệp ước này đến hiệp ước khác, nhượng bộ hết bước này lùi sang bước khác trước thực dân Pháp. Ngày 6/6/1884, triều đình Huế ký hiệp ước Pa-tơ-nô-tơ-rơ (Patenôtre) – một

văn tự bán nước cuối cùng của triều đình Huế, chúng nhận sự đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam⁽¹⁾. Rõ ràng là trước kẻ thù cướp nước, nguy hiểm, nhà Nguyễn đã tỏ ra hèn nhát và bất lực. Tuy nhiên, có một điểm đáng chú ý là ngay trong triều đình Huế đã phân hóa làm 2 phái: chủ chiến và chủ hòa.

Tiêu biểu cho phái chủ hòa là một loạt con cháu nhà Nguyễn như: Tự Đức, Kiến Phúc, Hiệp Hòa và bọn quan lại như Nguyễn Bá Nghi, Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ... Bọn người này khiếp sợ trước kẻ thù nên đã thỏa hiệp, đầu hàng không điều kiện. Chẳng những họ không lo chống giữ đất nước mà còn ra tay ngăn chặn những cuộc nổi dậy chống giặc ngoại xâm, tăng cường đàn áp, bóc lột nhân dân. Tự Đức lo xây dựng Vạn Niên cơ, nơi yên nghỉ cuối cùng của ông ta bằng bao nhiêu xương máu của nhân dân lao động. Đương thời đã có câu ca dao ai oán:

Vạn Niên là Vạn Niên nào

Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

⁽¹⁾ Xem cuốn “Lịch sử tám mươi năm chống Pháp” quyển I (in thứ hai) của Trần Huy Liệu, Nhà xuất bản Văn – Sử - Địa, Hà Nội, 1957, trang 22.

Còn phái chủ chiến như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết... có chủ trương, đối sách chống Pháp phù hợp với nguyện vọng của đa số nhân dân. Tuy vậy, phái này vẫn ở trong vòng cương tỏa, điều khiển của triều đình.

Do không biết dựa vào sức mạnh hùng hậu của nhân dân và với tiềm lực quân sự của một nước phong kiến lạc hậu phải đương đầu với đội quân tinh nhuệ được trang bị vũ khí hiện đại của một nước tư bản lớn mạnh, vì vậy phái chủ chiến tránh sao khỏi thất bại.

Mặc cho triều đình phong kiến suy nhược, tinh thần quật khởi của nhân dân ta vẫn bùng lên mãnh liệt từ Nam chí Bắc. Có thể nói đó là chỗ dựa tinh thần chắc chắn cho phái kháng chiến và tới khi phái này đổ vỡ thì cuộc kháng chiến tự vệ của nhân dân ta vẫn kéo dài. Chính giặc Pháp đã phải thừa nhận: cần phải chinh phục lại những vùng đất đã chinh phục rồi.

Trong toàn cõi nước ta, kể từ lúc đầu, thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, chúng đã bị nhân dân ta nổi lên chống đối và mãi về sau cũng thế. ở

Nam Bộ có các cuộc khởi nghĩa của Trương Định (1860-1864), Nguyễn Hữu Huân (1868), Trương Quyền và nhà sư Pu-cầm-bô người Khmer (tiếp tục sự nghiệp của Trương Định kéo dài đến năm 1876)... Ở Trung Bộ có những cuộc nổi dậy của Phan Đình Phùng tại Hà Tĩnh, Nghệ An (1885-1896), Phạm Bành, Đinh Công Tráng và Hà Văn Mao tại Thanh Hóa (1886-1887)... Ở Bắc Bộ có các cuộc khởi nghĩa của Tạ Quang Hiệu tại Thái Bình (1886), Nguyễn Thiện Thuật tại Bãi Sậy, Hưng Yên (1885-1889)... Tại huyện Kim Bảng (Hà Nam) có thủ lĩnh Đề Yêm lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp, kế tục sự nghiệp của khởi nghĩa Bãi Sậy. Sau khi Nguyễn Thiện Thuật thoát sang Trung Quốc vào khoảng giữa năm Kỷ Sửu (1889), Đề Yêm chuyển vùng hoạt động từ Quảng Yên, Hải Dương, Hưng Yên sang vùng Hà Nam, Hà Đông. Về tài liệu thành văn viết về nghĩa quân Đề Yêm có ít, nhưng ảnh hưởng của nghĩa quân vẫn còn nhiều trong trí nhớ của nhân dân Hà Nam, Hà Đông. Chúng tôi đã bước đầu sưu tầm, tìm hiểu về thân thế và quá trình hoạt động của Đề Yêm.

VÀI NÉT VỀ ĐỀ YÊM

Đề Yên tên thật là Đinh Quang Lý, người làng Đồng Lạc, tổng Kim Bảng hồi đó thuộc phủ Lý Nhân, nay thuộc xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Danh hiệu “đề” là chức đề đốc do các nhà yêu nước chống thực dân Pháp tự phong cho nhau và được nhân dân suy tôn như: Đề Thám (Hoàng Hoa Thám), Đề Kiêu, Đốc Ngũ, Lãnh Tràng, Hiệp Cường.

Nguyên làng Đồng Lạc có 2 họ Trương. Họ Trương lớn có một ngành đổi ra họ Đinh. Gia phả họ Đinh này bắt đầu ghi từ cụ Đinh Chi Hương, tự là Chính Trực, đỗ sinh đồ (tú tài), làm tổng trưởng (chánh tổng) tổng Kim Bảng, có mua hậu thân cả xã. Cụ Hương sinh năm 1708, mất ngày 9/6/1772, sinh được 4 người con trai là Đinh Quang Cơ, Đinh Quang Cát, Đinh Quang Tùng. Gia phả còn ghi thêm các đời kế tiếp nhưng không thấy ghi tên Đề Yên. Ông Đinh Tự Lập là trưởng tộc, đối với Đề

Yêm là cháu 6 đời cho biết: sở dĩ như vậy vì Đề Yêm là ngành thứ, lại đi làm “giặc”, người đương thời sợ liên lụy và ngành đó không còn ai là con trai nối dõi tông đường, nên gia phả chỉ ghi ngành trưởng thôi. Ngôi đất ở của Đề Yêm đã thay chủ mấy lần, hiện nay (1963), gia đình đồng chí Trương Mạnh Tường, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Đồng Lạc và gia đình đồng chí Đinh Quang Do ở đấy.

Theo lời bà cụ Huân, 73 tuổi (1963) và nhiều người trong họ Đinh ở làng Đồng Lạc cho biết thì Đề Yêm có nước da ngăm ngăm, tầm vóc to lớn, rắn chắc, khỏe mạnh, võ thuật giỏi, đặc biệt có đôi mắt xéch. Ông lấy vợ cùng làng, tên là Tiêm, họ Hoàng, con gái bà Nhang Nghiên.

Đề Yêm làm lý trưởng, người anh con ông bác là Đinh Quang Đa, tức phó Đa làm phó tổng. Vào khoảng tháng 5 năm Đinh Hợi 1887, cấm túc quân Pháp đến cướp nước nên khi thu thuế gần xong, Đề Yêm liền đem theo cả tiền thuế để đi khỏi làng. Phó Đa cùng phó lý Nai tìm báo cho bọn quan Tây biết việc này. Lập tức chúng cho phát mại tài sản của Đề Yêm để bồi thường tiền thuế. Phó lý Nai

còn cho rời, nhà Đề Yêm ra đồng đốt sạch. Sau đó, hấn được bổ làm lý trưởng. Song, mọi hành động của phó Đa, phó lý Nai đều không qua được mắt Đề Yêm. Tiếng là đi khỏi làng, nhưng ông chưa đi ngay mà còn nằm ở nhà một người kéo vó là ông chùm Đọ, họ Chu ở làng Yên Lạc (làng trên) để quan sát động tĩnh. Đề Yêm ở Yên Lạc độ 5 tháng mới ra đi thật. Ông sang Bãi Sậy (Hưng Yên) theo ngọn cờ tụ nghĩa Cần Vương chống Pháp của Nguyễn Thiện Thuật (Tán Thuật). Sau khi Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, năm 1889 Đề Yêm đem quân về hoạt động ở các huyện Kim Bảng, Duy Tiên (Hà Nam), Ứng Hòa, Phú Xuyên (Hà Đông) rồi vào lập căn cứ gây cơ sở ở vùng Tuyết Sơn, Hương Tích thuộc huyện Mỹ Đức để chống Pháp.

Trong thời gian ở Tuyết Sơn, Đề Yêm có về thăm họ hàng, làng mạc hai lần, vào những đêm tình hình chiến sự êm êm. Thường thường mỗi chuyến đi rất ít người, chỉ có 2 hộ vệ cầm giáp đi theo bảo vệ Đề Yêm.

THU - VIỆN
TỈNH HÀ ĐÔNG

ĐC: 270

DIỄN BIẾN CUỘC KHỞI NGHĨA

Thời đó ở tỉnh Hà Nam chưa có kè đập, đê điều chưa đâu ra đâu. Dòng sông Đáy hiền hòa hay hung dữ còn hoàn toàn phụ thuộc vào lưu lượng nước sông Hồng. Năm nào cũng thế, cứ nước sông Hồng lên to là nước sông Đáy tràn bờ. Vì vậy, hàng năm, làng mạc ở hai bên bờ hai con sông này đều bị ngập lụt suốt bốn, năm tháng.

Năm Kỷ Sửu (1889), tức là năm thành Thái nguyên niên, về tháng 6 (âm lịch), vùng Kim Bảng lúc ấy cũng nằm trong tình trạng trên. Đường sá, ruộng đồng đều chìm dưới nước. Những chòm cây xanh lổ chỗ để lộ ra mấy nếp nhà tranh hoặc một vài mái đình chùa nhô lên khỏi mặt nước, trông xa cứ tưởng đó là những hòn đảo nổi. Đó đây một vài chiếc thuyền câu của người đi thả lưới, đánh lò, bắt cá lênh đênh trên mặt nước... hoặc mấy chiếc thuyền nan bơi vôi vàng từ làng nọ sang làng kia dưới trời mưa nặng hạt.

Vào khoảng hai giờ chiều ngày 16, người làng Yên Lạc lấy làm ngạc nhiên khi trông thấy 3 chiếc thuyền đại lũng thững xuất hiện. Trống rong, cờ mở, thuyền lao vun vút về phía đường Thần Nông. Tiếng loa gọi trên thuyền đồng dục: “Loa... oa. Bớ lý trưởng làng Yên Lạc ra đình hầu quan lớn. Loa... oa”. Đoàn, quân lính ở dưới thuyền tất cả đổ bộ lên bờ. Dân làng sợ quá, bàn nhau cử mấy cụ già nhất ra gặp thủ lĩnh nghĩa quân. Hàng ngũ quân lính tề chỉnh, gươm giáo sáng choang, tinh kỳ pháp phối dưới sân đình. Chủ tướng chính là Đề Yên mời các cụ cùng ngồi và cho mời cụ chùm Đọ ra gặp. Cụ liền được Đề Yên kéo ghế mời ngồi ngang hàng. Dân làng dõ theo thấy vậy mới yên dạ. Về sau, cụ chùm Đọ được Đề Yên giao cho nhiệm vụ bảo vệ khu vực đóng quân. Những kẻ xấu lò dò đến do thám đều bị cụ trừng trị. 12 tên đã bị xử tử. Vì vậy, bọn do thám của Pháp hay của quan lại Nam triều phái đến đây đều khiếp sợ nghĩa quân. Chúng chỉ dám đến quấy quá những làng ở xa Yên Lạc rồi chuồn thẳng.

Hôm ấy, vào khoảng 4 giờ chiều, mặt trời đã chéch về phía Tây, đột nhiên xuất hiện một chiếc thuyền bồng chở một tướng và 7 quân lính được phái xuống Đồng Lạc, làng bên của Yên Lạc. Thuyền ghé vào nhà phó tổng Đa, nhưng hấn đi vắng. Con trai hấn là Thiều, 18 tuổi chạy lên, nhưng nhìn thấy người đang sục sạo tìm bố, hấn liền chạy xuống thuyền bơi trốn. Quân Đề Yên gọi lại, nhưng Thiều vẫn cứ cắm cổ bơi đi. Tức quá, một nghĩa quân liền lập tức nổ súng. “Đoàng”. Thiều trúng đạn từ sườn qua bụng, chiếc thuyền tròn trành rồi từ từ chìm lỉm. Lúc đó, mẹ phó tổng Đa ra chấp tay lạy Đề Yên xin tha tội chết cho con. Đề Yên cung kính chấp tay lạy lại và nói:

- Cháu lạy bác. Anh Đa dại lắm, bác cứ bảo vợ chồng anh ấy ra đây.

- Vợ chồng nhà nó sợ chạy đi đâu rồi.

- Bác cứ bảo ra đây, cháu sẽ đưa tiền làm ma cho thằng Thiều. Nó cũng như con của cháu mà. Vì nó cứ bơi thuyền chạy đi nên chẳng may quân của cháu bắn trúng, biết làm thế nào được.

Số là Đê Yêm căm thù phó tổng Đa, định trừ khử hẳn. Còn thằng Thiều là con Đa, nhưng nó là dòng dõi ngành trưởng của họ hàng nên Đê Yêm động lòng thương. Nó còn hương khói cúng giỗ ông bà, nên nói xong Đê Yêm cũng khóc. Cùng lúc đó, nghĩa quân lần lượt khuân vác tiền kẽm, tiền đồng, thóc lúa xuống thuyền. Có người vô tình khuân cả đồ thờ, Đê Yêm trông thấy liền quở mắng, bắt trả lại đầu vào đấy.

Trong khi nghĩa quân chưa rút thì phó tổng Đa về. Hẳn đi bằng thuyền. Ngõ nhà hẳn bố tre rào từ lâu, chỉ thuyền con mới vào được. Đa bèn ghé thuyền lên nên chòi vệt ở cách nhà độ sáu, bảy thửa ruộng. Hẳn đứng gọi đầy tớ “Ngát ơi! ơi Ngát. Cho thuyền ra, tao về”. Ngát đang nấp bờ tre đáp lại nhưng không dám nói to: “Trong nhà có cướp đấy”.

Phó tổng Đa tai lại nghễnh ngãng không nghe rõ, cứ to tiếng gọi. Nghe tiếng gọi mãi, nghĩa quân đoán là Đa về. Họ cứ: “Dạ, dạ” rồi lẳng lặng chèo thuyền ra. Cách Đa độ hai thửa ruộng, hẳn mới giật mình biết là có biến liền nhảy tùm xuống nước lặn, nấp vào bờ tre, rét run cầm cập. Một lúc sau hẳn

được người nhà chèo thuyền chở chạy trốn sang thôn Diên Xá, nay thuộc xã Văn Xá, cùng huyện.

Thu dọn xong quân lương, Đê Yêm cùng binh sỹ rút đi. Lập tức phó tổng Đa đi tìm quân Pháp để báo cáo và mời một tên quan ba Tây về chữa cho con hấn. Xem vết thương của Thiều, hấn lắc đầu bởi không chữa được, vì Thiều đã bị chảy nhiều máu (năm sau thì chết). Hai hôm sau, thuyền nghĩa quân lại xuống ghé vào nhà lý phó Nai. Hấn nhanh chân trốn thoát. Nai chui xuống gầm bực cót lúa, chỉ để hở có hai lỗ mũi và đôi mắt thôi. Nghĩa quân sục sạo tìm mãi mà không thấy. Bố lý Nai là Trương Văn Thạc. Nai có 2 con (một trai, một gái), tên là Lý và Trí. Em rể hấn là Hoàng Văn Trường, lúc ấy đương làm phó lý cũng bị bắn chết.

Đê Yêm cho gọi loa để ổn định tinh thần nhân dân, cho quân canh bốn mặt, không cho một người nào ra ngoài. Bắt đầu từ ngày hôm sau, Đê Yêm cho loa gọi, truyền lệnh cấm cửa 3 ngày. Tất cả già trẻ, trai gái được mời ra đình làng ăn khao. Ba ngày liền dân làng được ăn uống no nê. Đê Yêm còn tổ chức hát chèo, bà con nô nức đi xem như xem hội.

Được ít lâu, Đê Yên lại ra đi, để vợ ở lại nuôi mẹ già. Khi ông trở về nhà thì bà cụ vừa mới chết. Đê Yên cúng mẹ một tuần rượu rồi đón vợ xuống thuyền cùng đi. Trước lúc ra đi, ông đã tể cờ ở đình.

Đê Yên đạt giấy chiêu mộ nghĩa dũng và báo cho các xã, tổng trong vùng cung cấp lương thực.

Một lần, ông cho dân nghèo các làng Yên Lạc, Phương Xá, Lạc Nhuế đi theo thuyền xuống nhà chánh Thủy, tức chánh Kinh – một cường hào giàu có ở làng Điền Xá để lấy thóc chia cho bà con.

Các cụ ở làng Lạc Nhuế kể lại rằng: hồi các cụ còn nhỏ cứ nghe thấy tiếng trống đánh tong tong và trông thấy vài ba chiếc thuyền ván con cắm cờ ngũ sắc lướt qua ngoài ao làng thì đoán biết đó là quân Đê Yên đi lấy lương và chiêu mộ nghĩa dũng.

Về việc chém giết người nhà phó lý Nai kể trên, một số người ở làng Đồng Lạc và quanh vùng cho là Đê Yên trả thù, báo oán. Có đúng như thế không? Theo ý chúng tôi thì chưa hẳn như vậy, vì sau đó Trương Văn Duyên ra làm lý trưởng làng Đồng Lạc có thù oán gì với Đê Yên đâu mà ngày 11 tháng 8 (âm lịch), Đê Yên

cũng cho người về giết ở ao dứa (vì có trồng dứa ở bờ ao). Sau đó cho treo đầu lên ngọn tre, hạn 3 ngày mới được lấy xuống và cho gọi loa kể tội Duyên đi báo Tây làm tay sai cho chúng. Điều đó chứng tỏ Đê Yêm cũng như nhiều người yêu nước khác đương thời coi giặc Pháp là loại dị chủng (khác giống), tóc quăn, mũi lõ, da trắng, mắt xanh, thường gọi là loài bạch quỷ. Bọn chúng là kẻ thù không đội trời chung của nhân dân ta. Những kẻ làm tay sai cho chúng, tức là nối giáo cho giặc, giết chúng cũng là một cách đánh vào đầu giặc. Mặt khác, đây cũng là lời cảnh cáo những tên tay sai hoặc những kẻ lăm le làm tay sai cho giặc. Chẳng bao lâu ở làng Hội Xá, huyện Mỹ Đức, cánh cai Đê, đội Dao – tướng của nghĩa quân cũng giết mẹ tổng Mỹ và đốt sạch một ngôi nhà của anh em tổng Mỹ, vì hắn làm tay sai cho giặc Pháp.

Nghĩa quân Đê Yêm đóng ở làng Đồng Lạc một thời gian ngắn thì bị lộ. Giặc Pháp đem quân theo dõi, nhưng chúng đóng cách xa. Trước tình hình ấy, nghĩa quân rất cơ động, khi thì đóng ở làng này, khi thì đóng ở làng khác. Có lần đóng ở

làng Lạc Nhuế, cứ ban đêm thì đến, ban ngày lại đi, cả thấy độ 10 ngày.

Đối với những làng như Đình Xá (xóm Lò), Thọ Xuân (xóm Dí) và Lạc Nhuế kháng cự nghĩa quân thì Đề Yêm cho đốt mỗi nơi độ mười nóc nhà.

Do lụt lội diễn ra liên miên, nhân dân vùng Kim Bảng cũng như các vùng khác bị nạn đói trầm trọng. Lương thực nuôi nghĩa quân không còn cách nào khác là phải lấy ở các nhà giàu. Làng Lưu Xá hồi đó có nhiều nhà giàu nhất ở phủ Lý Nhân, vì có nhiều ruộng, lại có nghề phụ dệt vải, tiền dư thóc tích. Nghĩa quân đặt giấy lấy thóc, nhưng lý trưởng làng này không tiếp, vì vậy có rào tre dày đặc, lấp hết cả lối vào.

Một buổi trưa ngày cuối tháng 6 (âm lịch), trai làng Lưu Xá sau khi đã đánh trâu đi cày mò ruộng chiêm, về đến cổng làng, họ ngồi nghỉ dưới gốc đa cổ thụ. Người nọ chờ người kia cho đông, chứ đi lẻ thì cổng làng không mở. Họ ngồi trên bấp cày, trên gốc đa, hút thuốc, chuyện trò râm ran. Tại gốc đa này cũng có một người ăn mặc què mùa quân nâu áo vải, bên nách lại đem một bọc quần áo cũ đang ngồi hút thuốc lào với ba anh chàng đồng

nát có mang quang sọt lồng chổng những thau thủng, xanh bẹp, cái cân cũ kỹ để trên mẹt. Người ăn mặc quê mùa nói rằng: “Mình là tay cày bừa rất giỏi, làm bờ làm đỗi thẳng tắp như sợi chỉ vạch. Mình vào làng hỏi xem có ai thuê thì làm mướn”. Còn ba anh chàng đồng nát kia thì khỏi phải nói, tha hồ mà huyền thuyên: nào là giá đồng cao, giá đồng hạ; nào cái cô gái ông chủ mua đồng lại cong cớn nhưng trông cũng được: da trắng, mắt bồ câu... Mỗi người thêm vào một câu, rồi họ cười như nắc nẻ. Máy chàng trai Lưu Xá cũng ghé xuống rít hơi thuốc lào, vui lấy vui để, cười ròn rã.

Khi thợ cày về đông rồi, cổng làng mới mở. Trâu và người lữ lữ lướt đi vào. Anh đi làm thuê và ba anh hàng đồng cũng gồng gánh theo vào. Người đi nhanh tiến lên ngô trên. Người đi chậm đứng ở ngô dưới. Dường như họ đã sắp đặt trước. Họ đứng ở cổng làng và ba ngô dưới. Nhanh như cắt, họ dỡ vũ khí trong bọc và ở dưới gánh hàng ra. Bỗng dưng, người đi làm thuê hét lớn: “Cứ mở cổng ra”. Tiếng vang như sét đánh khiến cho mấy người giữ cổng đang đóng lại hồn vía lên mây. Nhìn lên, họ chỉ thấy ngọn kiếm loang loáng múa tay trên người

đứng trước, khiếp sợ quá nên đành phải mở cổng. Thế là nghĩa quân Đề Yêm chờ sẵn ở bên ngoài ập vào. Lần này họ mới lấy được lương thực của mấy nhà giàu nhất làng Lưu Xá. Số là Đề Vang, một tướng cũ của khởi nghĩa Bãi Sậy, quê ở Quảng Yên lúc này đã đứng trong hàng ngũ nghĩa quân đóng vai anh thợ cày đi làm mướn kể trên.

Vào đầu tháng 7 (âm lịch) năm ấy (1889), đúng mùa nước to, ngập cả cánh đồng, việc đi lại trong thôn xóm đều phải dùng thuyền. Quân Đề Yêm kéo vào làng Ngang (nay là thôn Ngọc Động, xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên), đóng ở đình làng và cho dịch loa: “Bớ lý trưởng ra đình hầu quan lớn”. Trong làng cứ “dạ” ran lên. Lo sợ quá, lý trưởng Nguyễn Văn Đức chạy đến lạy cụ đồ Phạm Văn Quang (thường gọi là cụ đồ Tá hay cụ đồ Hai)⁽¹⁾ ra nghênh tiếp hộ. Cụ đồ Tá đang chít khăn, mặc áo chuẩn bị ra đình thì anh trai là cụ đồ cả lên gàn, vì lo lắng cho em. Song, cụ đồ Tá không nghe.

⁽¹⁾ Cụ đồ Phạm Văn Quang là ông nội của đồng chí Trần Quyết (tức Phạm Văn Côn), nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (BT)

Cụ ngồi trên chiếc đò nan mà trong đó lý trưởng Đức đã sắp sẵn một buồng cau để trên chiếc mâm đồng rồi cho người chở cụ bơi ra phía đình. Khi bước vào sân đình, cụ đồ chấp tay vái. Có tiếng trong đình nói vọng ra: “Cho vào”. Máy nghĩa quân đứng ở hiên đình nhắc lại: “Cho vào”. Cụ đồ thông thả bước vào sân đình, nhìn lên thấy chánh tướng Đề Yêm ngồi với mấy phó tướng ở sập giữa, còn các cấp dưới ngồi hai bên. Cụ đồ được mời ngồi. Cụ ngồi ở sập dưới, nhưng Đề Yêm mời cụ lên cùng ngồi ở sập trên. Trong khi trao đổi đàm luận, Đề Yêm có hỏi ý kiến cụ đồ về việc vừa qua nghĩa quân đốt xóm Dị, làng Thọ Lão (xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng). Cụ đồ Tá thẳng thắn nói: “Các ngài đi mở nước, giết giặc ngoại xâm, trừ hại cho dân mà lại đốt nhà dân, e rằng nhân dân ta oán. Đề Yêm phân trần: “Dân xóm Dị không tiếp chúng tôi thì thôi, đằng này họ còn bỏ tre, rào xóm chống cự và chửi bới chúng tôi. Sự trừng phạt đó chỉ là bất đắc dĩ mà thôi”.

Các tướng lĩnh của Đề Yêm ngỏ ý sẽ cho quân vào các nhà giàu trong làng Ngọc Động để lấy lương thực nuôi quân, nhưng cụ đồ Tá xin đừng làm. Rồi cụ đồ cáo ra về. Cụ bảo lý trưởng trừ biện

dem ra một con lợn xúc và mấy thúng gạo cho nghĩa quân. Cụ đồ Tá và lý trưởng Đức (ẵm cả cậu con trai Tài theo) đi thuyền chở số lương thực, thực phẩm đó ra đình làng. Thuyền cập bến, thủ lĩnh Đề Yêm ra tận nơi đón và vui vẻ bế bé Tài. Sau đó nghĩa quân bỏ tre rào cổng ngoài ngõ cụ tổng Ba.

Đến 3-4 giờ chiều, nghĩa quân gọi loa thông báo cho dân làng yên tâm làm ăn, ngày mai cứ đến họp chợ ở sân đình như thường.

Sáng hôm sau, dân làng Ngọc Động vui vẻ đi chợ. Trẻ con, người lớn tò mò đến xem các thuyền của nghĩa quân đóng ở ngay sau đình. Trong các thuyền có nhiều gạo, gà, vịt và một số thức ăn khác. Có những đứa trẻ nhảy cả xuống thuyền để xem. Dân làng có người được nghĩa quân cho cả nồi tư thịt để mang về ăn.

Số quân của Đề Yêm về làng Ngọc Động có độ 50 người, thủ lĩnh Đề Yêm đã có ống nhòm để quan sát. Khi nhìn thấy quân Pháp ở mạn An Phú, Thọ Lão đi lên, có nghĩa quân đòi đánh. Dân làng sợ Pháp sẽ làm hại làng nên xin Đề Yêm đừng đánh, vì địch còn ở xa. Đề Yêm đồng ý. Cuối buổi chiều hôm sau, nghĩa quân cho gọi dân làng đến bảo: “Thôi

chúng tôi đi đây, kéo ở lâu khi đánh nhau, dân làng sẽ bị thiệt hại”. Rồi tất cả thu xếp xuống thuyền. Thuận buồm xuôi gió, thuyền lướt nhanh vun vút lao về phía Đồng Văn để nhằm hướng ra thôn Bùi Nguyễn (chợ Lương hiện nay).

Vũ khí của nghĩa quân lấp lánh dưới ánh nắng vàng, bao gồm dao mác, súng hỏa mai và 35 khẩu súng khai hậu của Pháp (loại súng mới nhất lúc đó của giặc). Nghĩa quân quý từng viên đạn một, không bắn phí⁽¹⁾.

Đoàn thuyền lại kéo về thôn Thần Nữ, xã Bạch Thượng. Trống rong cờ mở, nghĩa quân kéo vào đóng ở nhà bá Nho (người giàu nhất làng mua chức bá hộ) rồi gọi dân làng đến làm lợn, gà cùng vui vẻ. Nghĩa quân ở đây một ngày một đêm rồi lại ra đi.

Trong hoàn cảnh thiếu lương ăn, nhưng các chiến sĩ vẫn vui vẻ ca hát. Vì đều xuất thân từ nông

⁽¹⁾ Theo tài liệu “Bãi Sậy khởi nghĩa” của Văn Hà thì trong nghĩa quân của Đốc Tít (một thủ lĩnh của Bãi Sậy) đóng ở vùng Quảng Yên có 2 người Pháp là Martin và Clausade giúp nghĩa quân đúc súng, làm đạn. Đến thế cùng, Đốc Tít ra hàng phải trả Martin cho Pháp, còn Clausade thì nói thác là bị tử trận. Vậy nghĩa quân Đề Yên có súng, ta cũng không lấy gì làm lạ.

dân nên họ rất yêu mến những người cùng khổ, tuyệt đối không tư hào của cải của nhân dân. Nghĩa quân chỉ lấy thóc lúa ở những nhà giàu có. Đôi khi họ còn giúp đỡ các gia đình nông dân nghèo.

Nghĩa quân Đề Yêm xuôi thuyền về tới làng Độc, nay là thôn Thụy Sơn, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng. Lúc này quân số của Đề Yêm đã lên vài trăm người. Thuyền đậu trên sông san sát như lá tre (cả thuyền ván lẫn thuyền nan). Bữa ăn của quân sĩ thật thái hàng nong, cơm thổi rất nhiều. Dân làng có người hiểu lầm, sợ hãi. Biết vậy, có nghĩa quân nói: “Chúng tôi có làm gì mà các ông, các bà ngại, cứ yên tâm”. Họ còn âu yếm bế cả trẻ con và cho ăn xôi, thịt.

Sau đó, đoàn thuyền nghĩa quân kéo ngược lên Cầu Go (nay là ấp Thọ Cầu, xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng). Ở đây họ được các bậc đàn anh trong làng nghênh tiếp chu đáo rồi cho trai tráng mổ bò làm tiệc thết đãi.

Ăn uống xong, nghĩa quân chèo thuyền tắt qua cánh đồng phía Tây vào đóng ở chùa Tam Giáo, thuộc làng Quang Thừa, xã Tượng Lĩnh. Chùa nằm ở phía trong hang núi, chỗ chân dãy núi

con Chấm. Dãy núi này phía đầu ngoảnh về phương Bắc có vực thẳm chùa Ông, cuối là phía Nam, giáp cánh đồng làng Thụy Sơn. Đằng lưng là phía Tây có sông Đáy chảy qua về phía trước mặt, phương Đông có cánh đồng các làng Quang Thừa, Cầu Go, Thụy Sơn, Lạc Nhuế... Nghĩa quân đóng ở chùa Tam Giáo độ gần một tháng.

Một hôm về đầu tháng 8 (âm lịch), mặt trời lên cao được độ 2 con sào, 3 tiếng mõ nổi lên ở vọng canh tiền tiêu, đầu mỏm đá cao ngoài mỏm núi, người đốc canh chạy ra. Một nghĩa quân đứng canh, tay chỉ về phía trước nói: “Chiếc thuyền kia chèo gấp lắm, chắc có chuyện gì? Đằng sau chiếc thuyền ấy sao lắm thuyền thế”. Đốc canh liền đánh 3 hồi mõ, mỗi lần 5 tiếng. Lân lượt các hốc đá, hốc cây, từng chặng một có người đánh như thế, chuyền dây vào tận trong chùa. Lập tức Đề Yêm ra ngay thực địa. Cùng đi có mấy lính hộ vệ. Đến sân, Đề Yêm đứng sát cây nhãn to, đưa đôi ống nhòm đeo ở ngực lên nhìn. Sau đó, ông truyền lệnh báo động và cho người ra bến đón người đang chèo chiếc thuyền con tới. Thuyền vừa cập bến, chủ thuyền liền nhảy lên bờ và rảo cẳng đi lên gặp chủ tướng. Đề Yêm cùng người đó bước đi,

chỉ thấy ông gật đầu lia lịa. Quản Cẩm cầm lấy chiếc loa đồng của chủ tướng đi ra và đồng dặc dặc: “Loa...oa. Lệnh truyền cơ nào đạo ấy, sẵn sàng đến vị trí chiến đấu của mình chờ lệnh. Loa...oa”.

Thì ra người ngồi thuyền lúc nãy là một trong những nghĩa quân đi lấy lương về. Nhìn thấy thuyền của Pháp và lính tập, nghĩa quân liền chèo vào đổ bộ lên xóm làng hòa mình với dân làng và không quên cho một người chèo thuyền về để báo tin cho chủ tướng. Không khí diễn ra khẩn trương. Người cầm kiếm, cầm đao, người cầm súng, chỉ nghe thấy tiếng chân người chạy rầm rập. Họ thoăn thoắt trèo lên sườn núi nấp vào các hòn đá cao hay cỏ thụ. Chừng dập bã trâu, các cơ, các đội, đâu vào đấy. Tiếng loa lại nổi lên báo: “Đoàn thuyền địch đang chèo gấp về phía ta, tất cả sẵn sàng chờ lệnh”. Trống cái, trống con trong chùa nổi lên âm âm. Người nào cũng dán mắt nhìn về phía trước. Những con mắt căm hờn, với bầu máu nóng của nghĩa quân sẵn sàng tiêu diệt quân thù. Có người nghiêng răng nhìn quân địch đang chèo tới.

Tiếng trống trong chùa mỗi lúc một dữ dội, khiến thuyền địch dừng lại cả. Chúng bắn hàng loạt

đạn vào chùa, tiếng đạn chiu chiu, nổ chan chát vào đá, loé lửa. Địch bắn rất nhiều, nhưng không dám tiến. Nghĩa quân chỉ thúc trống, không bắn trả lại. Một chiếc thuyền của địch tách ra khỏi đoàn, tiến thẳng vào phía chùa. Khi địch đến gần, tiếng trống bỗng ngắt. Súng ròn rã nổi. Hai thằng Tây (một quan một, một quan hai) lộn nhào xuống sông. Chúng phải vội vã chèo lùì ra. Nghĩa quân bồi thêm một loạt đạn nữa. Lập tức hai tên lính lăn quay tại chỗ. Thế là địch phải ù té tháo chạy⁽¹⁾

Một cuộc họp chớp nhoáng được Đề Yêm triệu tập trong chùa. Sau khi nhận định tình hình, các tướng lĩnh đều nhất trí rút vào căn cứ địa mà Đề Yêm đã phái Hiệp Cường đi tìm trước rồi.

Nghĩa quân hoạt động không sao tránh khỏi con mắt rình mò, theo dõi của giặc Pháp. Chúng đóng quân ở xa tại thôn Bài Lễ, nay là Do Lễ thuộc xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, nhưng vẫn chú ý các hoạt động của Đề Yêm. Có một kẻ manh tâm ở thôn Quang Thừa đã đi báo Tây nên chúng mới cho quân đến vây đánh nghĩa quân như đã nêu ở trên.

⁽¹⁾ Vì thế, sau này dân làng Quang Thừa mấy lần xin Pháp cho mở cửa chùa Tam Giáo, bọn quan lại bảo: “Chùa này có án rồi, không được mở

Hôm ấy, độ 2 giờ chiều, nghĩa quân mới rút đi... Đoàn thuyền tiên thẳng về phía thôn Mã Nảo, thuộc xã Ngọc Sơn cùng huyện và đóng ở đình làng. Dân làng giết lợn làm cỗ bàn thết đãi binh lính. Trong làng này có tên Cà Vẹt, trước đã đi lính cho Pháp, nay đi báo tin cho Tây. Thế là hôm sau, địch kéo quân về vây làng Mã Nảo.

Được tin trên, Đề Yêm ra lệnh cho các quân sĩ chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Đình làng được bố trí thành công sự. Các cối đá cắm tàn, lọng cột gỗ, sập ngổi v.v.... đều được vắn ra chắn cửa và có chừa khe hở làm lỗ châu mai. Tuy công việc đối phó khẩn trương như vậy, nhưng trong đình vẫn nổi trống phách hát chèo, như không có chuyện gì xảy ra.

Thuyền của quân Pháp vây quanh làng, nhưng dè dặt không dám xông vào. Mãi sau chúng phái một chiếc thuyền con chở thằng quan ba Tây, thằng tri phủ và mấy tên nữa, lượn ngoài xa rồi sấn vào cửa đình. Nghĩa quân đã chú ý, nhưng chờ cho chúng vào gần mới nổ súng⁽¹⁾. Thằng quan ba Tây trúng đạn ngã kêu rống lên. Thằng tri phủ sợ hãi quá, nằm

⁽¹⁾ Thằng Tây là giám binh (duchibert) bị gãy cánh tay phải (theo tài liệu "*Lính khố xanh Đông Dương*").